TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày: 26-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. L, sinh năm 1991, tại An Giang. Nơi cư trú: ấp H 2, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông X và bà Y; chung sống như vợ chồng với X1, có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ: ngày 23 tháng 4 năm 2020, tạm giam: ngày 29 tháng 4 năm 2020; có mặt.

2. S, sinh năm 1990, tại An Giang. Nơi cư trú: ấp H 2, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Z và bà W; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, theo Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 18/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang, thời gian 03 tháng từ ngày 14 tháng 02 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ: ngày 23 tháng 4 năm 2020, tạm giam: ngày 29 tháng 4 năm 2020; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: K, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp H 2, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng Huỳnh Thanh L1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22 tháng 4 năm 2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy phối hợp Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện Hồng Ngự và Công an thị trấn Thường Thới Tiền tuần tra, kiểm soát, khi đến khóm Thượng 2, thị trấn Thường Thới Tiền, phát hiện L và S đang dẫn xe mô tô biển số 65P3-7805 đi bộ trên đường có biểu hiện nghi vấn, nên tiến hành kiểm tra, thì phát hiện trong túi quần dài bên phải của L đang mặc có 01 bịch ny long được hàn kín, bên trong có chứa chất bột màu trắng, được để trong một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu JET. L và S trình bày, đó là ma túy, nên bị tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Các bị cáo khai nhận thống nhất: L rủ và S đồng ý, cả hai đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm mua ma túy về cùng nhau sử dụng. L mượn xe mô tô của ông K, cả hai thay đổi nhau điều khiển xe trên đường đi, về. Khi đến Củ Chi, gặp một người tên Chó (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ) mua ma túy loại heroine, không rõ khối lượng bao nhiêu vì không có cân với số tiền 2.000.000 đồng. L là người trả tiền, khi nào S có tiền thì hùn lại. Trên đường về, cả hai đã cùng nhau dừng lại sử dụng ma túy 03 lần, khi đến địa phận huyện Hồng Ngự thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 bịch ny long được hàn kín, bên trong có chứa bột màu trắng, được đưa vào một bao thư bằng giấy, dán kín, có chữ ký của ông Lê Trọng T, ông Huỳnh Thanh L1, L và hai dấu vân tay bằng mực màu đỏ của S; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 01 hột quẹt gas màu đỏ, không còn giá trị sử dụng; xe mô tô nhãn hiệu SAVANT biển số 65P3-7805 (đã qua sử dụng).

Kết luận giám định số 330/KL-KTHS ngày 24 tháng 4 năm 2020, của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Chất bột rắn chứa trong 01 bọc (bịch) nylon hàn kín, được niêm phong trong bao thư nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 4,923 gam, loại Heroine.

Tại Cáo trạng truy tố số 29/CT-VKSHN ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS) tuyên bố các bị cáo phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo: L từ 03 đến 04 năm

tù; S từ 03 đến 04 năm tù. Về vật chứng, căn cứ các Điều 46, 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 bao thư; 01 vỏ bao thuốc lá; 01 hột quẹt gas màu đỏ, không còn giá trị sử dụng; trả lại xe mô tô nhãn hiệu SAVANT, biển số 65P3-7805, cho ông K.

Cả hai bị cáo đều không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo L đã biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo sớm về với gia đình. Bị cáo S đã biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được: Cả hai bị cáo L và S đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Các bị cáo đã có hành vi cùng nhau đi mua, tàng trữ trái phép, cất giấu, mang theo trên người chất ma túy có khối lượng 4,923 gam, loại Heroine, nhằm mục đích để sử dụng và bị bắt quả tang. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo S cùng đi mua ma túy để sử dụng chung. Bị cáo S thống nhất cùng L đi mua ma túy, trên đường về đã cùng nhau sử dụng ma túy 03 lần.

[4] BLHS quy định:

"Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm…

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[5] Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo là đồng phạm phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[7] Các bị cáo nhận thức được hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy, gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước; ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh bình thường của con người. Ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần, việc mua bán, sử dụng phải được cơ quan chức năng của Nhà nước cho phép. Bởi lẽ, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội là rất nặng nề, nó gây tác hại lâu dài cho nòi giống, phát sinh mâu thuẫn trong cộng đồng, làm tiêu hao tiền bạc của bản thân và gia đình của người sử dụng, gây tổn hại về tình cảm, ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục lâu dài của dân tộc. Tại phiên tòa, bị cáo S trình bày, do bị cáo nghiện ma túy mà người chung sống như vợ chồng với bị cáo đã không còn chịu sống chung nữa. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, đối tượng nghiện muốn có tiền để sử dụng ma túy, còn có thể phát sinh các loại tội phạm khác như trộm cắp, mại dâm, thậm chí cướp tài sản, giết người...

[8] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo S có 01 tiền sự.

[10] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[11] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; các bị cáo là người dân tộc Chăm, trình độ học vấn

thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[12] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện kinh tế của các bị cáo thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Không có phát sinh nên không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[15] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo L phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo L 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 4 năm 2020.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo S phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 4 năm 2020.

3. Căn cứ vào các khoản 2 và 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các khoản 1 và 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao thư ghi niêm phong số 345, ngày 23/4/2020, có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, các chữ ký ghi họ và tên Trương Minh V, Bùi Văn D, Lê Trọng T, có dấu vân tay màu của L và S; 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 01 hột quẹt gas màu đỏ, không còn giá trị sử dụng.

3.2. Trả lại cho ông K: 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-7805, số khung: RRKWCHSUM5X000211, số máy: VTTJL1P52FMH7000211, nhãn hiệu SAVANT, xe không giấy tờ và không khởi động được.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản Về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 7 năm 2020.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo L và S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 8 năm 2020). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú